TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 120 /2022/HNGĐ-ST Ngày: 01/8/2022 *V/v tranh chấp "Ly hôn".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thu Yến.
2. Ông Lê Thanh Bình.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Minh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa có: Ông Mai Hùng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 317/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐST-HN ngày 12/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995 (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số A ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ liên lạc: Tổ 13 ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2/ *Bị đơn*: Anh Trần Nguyên T1, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số A ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn **chị Nguyễn Thị Thanh T** trình bày: Chị và anh Trần Nguyên T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố M và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2015, ngày 16/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị và anh T1 đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả nên đã ly thân từ năm 2020 đến nay; Con chung có 02 con tên Trần Nguyễn Ngọc X – sinh ngày 16/11/2015 và Trần Nguyễn Ngọc S – sinh ngày 16/5/2017; Tài sản chung, có tài sản chung; Nợ chung không có. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T1; Con chung yêu cầu được trực

tiếp nuôi hết 02 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng; Tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn **anh Trần Nguyên T1** đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng **anh T1** không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của **chị T**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa Thẩm phán thực hiện đúng quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng qui định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với bị đơn anh Trần Nguyên T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh T1.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T **và anh Trần Nguyên T1** có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã M**, thành phố M, tỉnh Tiền Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên hôn nhân giữa **chị T và anh T1** là hợp pháp.

Quá trình tố tụng **chị T** yêu cầu được ly hôn với **anh T1**; Con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu **anh T1** cấp dưỡng; Tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét yêu cầu của **chị T**, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị **Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Nguyên T1** có đăng ký kết hôn vào năm **2015**. Quá trình sống chung hạnh phúc đến năm **2020** thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do **bất đồng quan điểm nên đã ly thân** từ năm 2020 đến nay. Quá trình tố tụng **chị T** cương quyết xin ly hôn. Đối với **anh T1** vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của **chị T**, cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của **chị T** là có cơ sở phù Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Về con chung: Quá trình chung sống **chị T** khai có 02 con chung tên Trần Nguyễn Ngọc X – sinh ngày 16/11/2015 và Trần Nguyễn Ngọc S – sinh ngày 16/5/2017, khi ly hôn **chị** yêu cầu được trực tiếp 02 nuôi con, không yêu cầu **anh T1** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi sinh ra đến thời điểm hiện tại các cháu X, S do **chị T** chăm sóc, nên cần tiếp tục giao **chị T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình. Đối với mức cấp dưỡng **chị T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.2] Về tài sản chung: **Chị T** trình bày là có nhưng chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Đối với nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: **Chị Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **chị Nguyễn Thị Thanh T**.

- **Chị Nguyễn Thị Thanh T** được ly hôn với **anh Trần Nguyên T1**.

- Con chung: Giao các cháu Trần Nguyễn Ngọc X – sinh ngày 16/11/2015 và Trần Nguyễn Ngọc S – sinh ngày 16/5/2017 cho **chị T** trực tiếp nuôi, **anh T1** không phải cấp dưỡng nuôi con, do **chị T** không yêu cầu.

Anh Trần Nguyên T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: **Chị Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, **chị** đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0022211 ngày 09/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, xem như **chị T** đã thi hành xong.

3/ Về quyền kháng cáo: **Chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Trần Nguyên T1** được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Lệ Thương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP . Mỹ Tho;
- UBND **xã Mỹ Phong, TP . Mỹ Tho,TG;**
- Các đương sự:
  + **Chị Nguyễn Thị Thanh Trúc**;
  + **Anh Trần Nguyên Trường**;
- Lưu hồ sơ vụ án.